

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **61/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 17/12/2018

V/v: Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Ong Văn Chúc: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86A/2018/QĐXX- ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Chu Thị H**, sinh năm 1997 (có mặt).

HKTT: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh B

Nơi ở hiện tại: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh B

- Bị đơn: Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 27/9/2018, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn (chị Chu Thị H) trình bày: chị và anh Ngô Văn Q kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 17/02/2016. Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh Q làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị xác định là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên hai bên thường xuyên cãi nhau. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2017, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Q không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Bảo N, sinh ngày 02/4/2016 hiện nay đang ở với anh Q và bà nội, cháu phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị xác định chị và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng canh tác và các quan hệ khác: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Ngô Văn Q) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nh-ng vẫn vắng mặt, vì vậy kh«ng có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa pH về làm việc tại gia đình nhưng anh Q đều vắng mặt, qua trao đổi địa pH xác nhận: anh Q là người có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, huyện H. Anh Q hiện làm nghề lao động tự do, địa chỉ cụ thể địa pH không nắm được, nhưng vẫn thấy anh Q có đi và về qua gia đình tại thôn Tân Dân, xã B sau đó lại đi làm luôn. Việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q do các bên không đề nghị hòa giải tại địa pH nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Thịnh (là mẹ đẻ của anh Q) xác định anh Q vẫn ở cùng bà tại thôn T, xã B, huyện H, hiện anh Q làm nghề lao động tự do, không cố định nơi làm việc cụ thể nhưng vẫn thường xuyên về nhà để chăm sóc con cái và gia đình. Bà và anh Q cũng đã nhận được các giấy tờ, thông báo, giấy triệu tập cũng như các quyết định của Tòa án liên quan đến việc chị H xin ly hôn nhưng do anh Q bận công việc nên không thể lên Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Căn cứ đơn khởi kiện ngày 27/9/2018 của chị Chu Thị H đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Ngô Văn Q (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại địa pH và gia đình cung cấp, hiện anh Q vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Dân, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, anh Q đi làm nghề lao động tự do, không có địa chỉ cụ thể nhưng anh Q không đi hẳn khỏi địa pH, gia đình xác nhận anh Q đi làm vẫn đi và về qua gia đình để chăm sóc con cái. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 §iÒu 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Chu Thị H và anh Ngô Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị H thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết vợ chồng chị H, anh Q từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên hai bên thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Địa pH xác nhận không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q do các đương sự không đề nghị hòa giải ở địa pH, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Q không đến Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải, không có ý kiến gì về việc chị H có đơn xin ly hôn anh cũng đã phản ánh đến việc anh Q không còn có ý thức trong việc xây dựng hạnh phúc vợ chồng với chị H. Bà Thịnh là mẹ đẻ của anh Q cũng xác định do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2017 đến nay, giữa chị H và anh Q không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị H xin ly hôn anh Ngô Văn Q cần được chấp nhận.

[3]. *Xét đề nghị của chị H về việc nuôi con chung thấy rằng:* Chị H và anh Q có 01 con chung là Ngô Bảo N, sinh ngày 02/4/2016 hiện nay đang ở với anh Q và bà nội, cháu phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Qua làm việc địa phương xác nhận: cháu N đã ở cùng với anh Q và bà nội từ nhỏ đến nay và cháu vẫn phát triển bình thường. Bà Thịnh là mẹ đẻ của anh Q cũng xác nhận từ khi chị H bỏ đi, anh Q vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và lo toàn bộ chi phí sinh hoạt, nuôi dạy con, ý kiến của anh Q là vợ chồng ly hôn thì anh Q đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q. Hơn nữa chị H cũng có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết để cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con

chung của vợ chồng khi ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ cũng như để cho cháu có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn, cần giao cháu Ngô Bảo N cho anh Ngô Văn Q nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị giao con chung của chị H cho anh Q nuôi dưỡng cần được chấp nhận. Chị H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[5]. Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H được ly hôn anh Ngô Văn Q.

Về con chung: Giao anh Ngô Văn Q trực tiếp nuôi cháu Ngô Bảo N, sinh ngày 02/4/2016. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001157 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị H được ly hôn anh Ngô Văn Q.

Về con chung: Giao anh Ngô Văn Q trực tiếp nuôi cháu Ngô Bảo N, sinh ngày 02/4/2016. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001157 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSND Hiệp Hòa
- THADS Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn